

Số: 33/2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quyết định số 26-QĐi/TU ngày 21/11/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang quy định về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 406/TTr-SNV ngày 21/11/2019 về dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Bộ Nội vụ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- TT Huyện ủy, Thành ủy;
- Phòng TH-CB, VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TP NC, PTP NC;
- Lưu: VT, NC (Thg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Minh Huân

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về mục đích, nguyên tắc, căn cứ, thời điểm, thời gian đánh giá, xếp loại; thông báo, công khai kết quả xếp loại; nội dung, thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã giúp chính quyền địa phương kịp thời đề ra các giải pháp phát huy những mặt tích cực; đồng thời, khắc phục hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp.

2. Nâng cao hiệu quả công tác kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Là căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đúng chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ vào kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đoàn kết, thống nhất, liên tục, đa chiều; trung thực, khách quan, toàn diện, công bằng; công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền; gắn trách nhiệm cá nhân với tập thể; người đứng đầu,

cá nhân lãnh đạo, quản lý được phân công phụ trách lĩnh vực, địa bàn với kết quả hoạt động, hiệu quả công tác của địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Đối với những nhiệm vụ không thực hiện được do cấp có thẩm quyền thay đổi, tạm dừng hoặc chưa có hướng dẫn thực hiện thì không đánh giá chất lượng; những nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng không đảm bảo tiến độ hoặc chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao vì lý do khách quan thì không đánh giá chậm tiến độ hoặc trừ điểm.

4. Đánh giá xếp loại chất lượng là việc làm thường xuyên hằng năm nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Điều 4. Căn cứ đánh giá, xếp loại

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chương trình, kế hoạch công tác, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt hằng năm.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện; tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo.

Điều 5. Thời điểm, trình tự đánh giá, xếp loại

1. Thời điểm đánh giá, xếp loại thực hiện trong tháng 12 hằng năm. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trước, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau.

2. Trình tự đánh giá, xếp loại

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất mức xếp loại chất lượng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15/12 hằng năm;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, quyết định xếp loại Ủy ban nhân dân cấp xã; tự đánh giá, chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20/12 hằng năm;

c) Hội đồng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 25/12 hằng năm.

Điều 6. Thông báo, công khai kết quả xếp loại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xếp loại của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải công khai kết quả xếp loại chất lượng đến đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Chương II

NỘI DUNG, THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 7. Phương pháp, khung tiêu chí đánh giá

1. Việc đánh giá được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí:

- a) Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Điểm tối đa 40 điểm;
- b) Các tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm: Điểm tối đa 50 điểm;
- c) Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra: Điểm tối đa 10 điểm.

2. Khung tiêu chí đánh giá:

- a) Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá theo Phụ lục số 01 (Khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện) kèm theo Quy định;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá theo Phụ lục số 02 (Khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã) kèm theo Quy định.

Điều 8. Xếp loại chất lượng

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được xếp loại theo 4 mức:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm và điều kiện xếp loại các mức chất lượng

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Là Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có nhiều thành tích nổi bật, có đột phá, đổi mới, sáng tạo khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các đơn vị khác học tập, noi theo; đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện: Không có tiêu chí nào bị 0 điểm; các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 37 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 46 điểm trở lên (trong đó hoàn thành 100% nhiệm vụ trọng tâm và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp giao); tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 7 điểm trở lên; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, từ 80 % trở lên thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã không vi phạm

quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng, lãng phí hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Số đơn vị xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm không vượt quá 20% số đơn vị cùng cấp được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Trường hợp có trên 20% đơn vị đạt mức điểm và điều kiện “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thì Hội đồng thẩm định lựa chọn đơn vị có tổng số điểm cao hơn đến hết chỉ tiêu; trường hợp ở chỉ tiêu cuối cùng có từ 02 đơn vị trở lên có số điểm và điều kiện ngang nhau thì Hội đồng thẩm định tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xếp loại xem xét quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Là Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 75 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện: Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt từ 30 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 40 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có từ 50% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, từ 50 % trở lên thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng, lãng phí hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Là Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 50 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện: Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 20 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 25 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng, lãng phí hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Là Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt dưới 50 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau: Chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh được cấp có thẩm quyền giao (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt dưới 20 điểm hoặc các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt dưới 25 điểm hoặc tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt dưới 5 điểm; có từ 20% trở lên Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xếp loại chất lượng “Không hoàn thành nhiệm vụ” đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện; dưới 50 % thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã không tự đánh giá và báo cáo kết quả, tài liệu tự đánh giá, xếp loại theo quy định; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng, lãng phí hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Thẩm quyền và tổ chức xếp loại

1. Thẩm quyền quyết định xếp loại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức xếp loại

a) Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại, cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp loại tổ chức hợp, quyết định xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được xếp loại chất lượng hằng năm, sau đó phát hiện có vi phạm thì cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp loại hủy bỏ kết quả xếp loại và xếp loại lại.

Điều 10. Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc địa phương mình (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp huyện).

2. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đồng thời là Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Thành phần của Hội đồng thẩm định cấp huyện có từ 05 hoặc 07 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Các Ủy viên: Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Cơ quan Văn phòng cấp huyện; Phòng Nội vụ hoặc Cơ quan Tổ chức - Nội vụ và một số cơ quan có liên quan. Trường hợp khuyết người đứng đầu thì người được giao quyền hoặc được giao phụ trách cơ quan tham gia Ủy viên Hội đồng;

4. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh và Hội đồng thẩm định cấp huyện làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Thẩm định kết quả tự chấm điểm và xếp loại chất lượng; bỏ phiếu thông qua kết quả xếp loại;

b) Tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hằng năm;

c) Thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại:

Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đồng thời là Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định cấp huyện do Hội đồng thẩm định cấp huyện quyết định.

d) Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cụ thể hóa tiêu chí đánh giá theo khung tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định này và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí cụ thể; hướng dẫn tài liệu, biểu mẫu đánh giá, xếp loại phù hợp.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh; tham mưu Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thành lập Tổ giúp việc theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại và chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổng hợp, gửi Sở Nội vụ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

3. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện làm việc.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu với Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện chấm điểm các tiêu chí có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc phân công Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất mức xếp loại chất lượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng kèm báo cáo kiểm điểm chất lượng hoạt động, các tài liệu kiểm chứng kết quả chấm điểm. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đồng thời với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo quản lý.

2. Đăng ký các nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất trong quý I của năm đánh giá. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm theo quy định tại Quy định này.

4. Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất mức xếp loại chất lượng; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ hoặc cơ quan Tổ chức - Nội vụ) kết quả chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng kèm báo cáo kiểm điểm chất lượng hoạt động, các tài liệu kiểm chứng kết quả chấm điểm. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đồng thời với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cấp xã và đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo quản lý.

2. Đăng ký các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm với Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ hoặc cơ quan Tổ chức - Nội vụ) chậm nhất trong quý I của năm đánh giá. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các quy định, tiêu chí đánh giá được điều chỉnh, bổ sung theo quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huân

PHỤ LỤC SỐ 01
KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

*(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/11/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Stt	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
	TỔNG ĐIỂM (I+II+III)	100
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG UBND CẤP HUYỆN <i>(Xuất sắc từ 37 điểm trở lên; Tốt từ 30 điểm trở lên; Hoàn thành từ 20 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 20 điểm)</i>	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc: tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	5
3	Thực hiện quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác với cơ quan cấp trên, các sở, ban, ngành, các Ban HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cùng cấp	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng Ủy ban nhân dân "trong sạch, vững mạnh"	20
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM <i>(Xuất sắc từ 46 điểm trở lên; Tốt từ 40 điểm trở lên; Hoàn thành từ 25 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 25 điểm)</i>	50
1	Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch công tác, xác định các nhiệm vụ trọng tâm hằng năm	5
2	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	30
3	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm	5
4	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	5
5	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	5
III	KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA <i>(Xuất sắc từ 7 điểm trở lên; Tốt và Hoàn thành từ 5 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 5 điểm)</i>	10

PHỤ LỤC SỐ 02
KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
	TỔNG ĐIỂM (I+II+III)	100
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG UBND CẤP XÃ <i>(Xuất sắc từ 37 điểm trở lên; Tốt từ 30 điểm trở lên; Hoàn thành từ 20 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 20 điểm)</i>	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	5
3	Thực hiện quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác với cơ quan cấp trên; các phòng, ban cấp huyện; các Ban HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cùng cấp	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng Ủy ban nhân dân cấp xã "trong sạch, vững mạnh"	20
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM <i>(Xuất sắc từ 46 điểm trở lên; Tốt từ 40 điểm trở lên; Hoàn thành từ 25 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 25 điểm)</i>	50
1	Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch công tác, xác định các nhiệm vụ trọng tâm hằng năm	5
2	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	30
3	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm	5
4	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao	5
5	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa"	5
III	KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA <i>(Xuất sắc từ 7 điểm trở lên; Tốt và Hoàn thành từ 5 điểm trở lên; Không hoàn thành dưới 5 điểm)</i>	10